

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THÁI BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HSPT

Ngày 07-3-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang- Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2018/HSPT ngày 20 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Ng B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 72/2018/HSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Trần Ng B**, sinh năm 1999

Nơi cư trú: thôn A Nh B, xã B H, huyện T H, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Xuân B, sinh năm 1970 và bà Trần Thị L, sinh năm 1973; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Trần Văn H**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: thôn A Nh B, xã B H, huyện T H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1953; có vợ là Đặng Thị Th, sinh năm 1977, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Đặng Thị H**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn Tr Đ, xã Qu Tr, huyện K X, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp:

Giáo viên; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Quang B, sinh năm 1951 và bà Trần Thị M, sinh năm 1955; chồng là Vi Mạnh H, sinh năm 1973; có 01 con sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không; Đảng viên Đảng Công sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra trong vụ án còn có 02 người bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2018, trong lúc đi bộ thể dục từ nhà ra công ông Công về, Trần Bảo Ng, sinh ngày 20/12/2002 phát hiện cửa sổ hướng ra đường nhà anh Bùi Tiến Nh, sinh năm 1988, trú tại thôn A Nh B, xã B H, huyện T H mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Ng trèo lên cửa sổ, quan sát vào trong nhà thì thấy trên chiếc võng mắc cạnh cửa sổ có một tờ giấy gấp lại, do nghĩ có tiền bên trong tờ giấy nên Ng đã thò tay qua cửa lấy và mở ra kiểm tra, nhưng không có tiền mà có hai tấm thẻ cứng màu xanh nên Ng cầm hai tấm thẻ trên và tờ giấy về nhà. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Ng về nhà thấy anh trai là Trần Ng B đang ngồi nên đã đưa hai tấm thẻ và tờ giấy cho B và nói “Em nhặt được cái thẻ, anh xem có làm gì được không”. B mở ra xem có hai chiếc thẻ ATM ngân hàng (B không biết ngân hàng nào) được gói trong tờ giấy trắng, trên tờ giấy có ghi lần lượt các dòng chữ ghi theo thứ tự họ tên, số tiền, dãy số, B nghĩ đó là họ tên, số tiền trong thẻ và mặt khẩu của hai chiếc thẻ ATM nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong thẻ ATM, B bảo Ng để B giữ chiếc thẻ. Do không biết sử dụng thẻ nên B cầm hai chiếc thẻ đến nhà anh họ là Trần Văn H, mục đích nhờ H rút hộ tiền. Gặp H, B nói “Thằng Ng nó nhặt được cái thẻ, anh em mình đi rút thử xem có tiền không”, B đưa thẻ và tờ giấy cho H xem, H nói “không biết có tiền không” thì B nói “Đây ghi số tiền ra thì chắc là có tiền”, H nói với B là không biết sử dụng thẻ ATM nên H lấy điện thoại gọi cho Đặng Thị H là em vợ H và nói “Mày có bận gì không đi rút tiền hộ anh, anh không biết rút”, H đồng ý và nói “Anh lên nhanh đi mai em còn đi làm”, H điều khiển xe mô tô chở B đến nhà Đặng Thị H, khi đến H đi vào trong nhà, B đứng ngoài. H nói với Đặng Thị H “Anh đi chơi về cùng thằng em nhặt được hai cái thẻ”, Đặng Thị H nhận mảnh giấy và mở ra xem thấy có hai thẻ ATM, bên trong mảnh giấy ghi nội dung tên người, dãy số và số tiền, Đặng Thị H hỏi lại H nhiều lần “Có phải thẻ này anh nhặt được không” thì H khẳng định thẻ này H nhặt được. H ở nhà đợi, B điều khiển xe mô tô chở Đặng Thị H đến cây ATM của

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn ở thị trấn Thanh Nê, huyện K X để rút tiền. B và Đặng Thị H cùng nhau vào rút tiền, Đặng Thị H mở tờ giấy lấy ra một thẻ ATM màu xanh bỏ vào cây rút tiền thì hiện dòng chữ “DO THI NGÀ” (Đỗ Thị Ng), Đặng Thị H tiếp tục nhập mật khẩu là dãy 06 số tương đương ghi trong thì ATM nhận mật khẩu, Đặng Thị H thực hiện thao tác rút tiền ở thẻ này 05 lần: Lần một rút 5.000.000 đồng, lần hai rút 5.000.000 đồng, lần ba rút 2.000.000 đồng, lần bốn thì báo lỗi, lần năm rút 200.000 đồng. Sau đó Đặng Thị H tiếp tục lấy chiếc thẻ màu trắng bỏ vào cây ATM thì xuất hiện dòng chữ “TRAN VAN TH” (Trần Văn Th), Đặng Thị H nhập tiếp dãy 06 số thì ATM nhận mật khẩu, Đặng Thị H thực hiện rút tiền trên thẻ này 03 lần. Lần một rút 3.000.000 đồng, lần hai rút 3.000.000 đồng, lần ba rút 1.000.000 đồng (Tổng tiền Đặng Thị H rút được từ hai thẻ là 19.200.00 đồng). Rút xong, B chở Đặng Thị H về nhà H, Đặng Thị H đưa cho H toàn bộ số tiền 19.200.000 đồng cho H, để hai chiếc thẻ và tờ giấy xuống bàn uống nước của nhà Đặng Thị H và nói với H “Đây số tiền vừa rút được đây, 01 thẻ 12.300.000 đồng nhưng chỉ rút được 12.200.000 đồng, còn một thẻ 7.000.000 đồng thì rút được 7.000.000 đồng”. H đếm tiền và lấy 2.000.000 đồng để trên bàn của Đặng Thị H và nói “Đây là lộc tao cho mày”, rồi đi về, H cầm 2.000.000 đồng, tờ giấy và hai chiếc thẻ ATM cất vào túi áo trong tủ. Về đến nhà, H đưa tiền cho B, B lấy ra 6.000.000 đồng đưa cho H, rồi đi về nhà. Sáng ngày 16/5/2018, Ng có hỏi lại B “Được nhiều không”, B không nói gì, lấy ở túi ra đưa cho Ng 400.000 đồng. Sau khi sự việc bị phát hiện B, H, Đặng Thị H đã mang toàn bộ số tiền lấy được đến cơ quan Công an để giao nộp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2018/HSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ng B, Trần Văn H, Đặng Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s,i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Trần Ng B 01 năm 03 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng Thị H 06 tháng tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

- Ngày 19/11/2018, các bị cáo làm đơn kháng cáo: Bị cáo Trần Ng B xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Trần Văn H xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Đặng Thị H xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ

nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm e khoản 1 Điều 257 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận một phần yêu cầu yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho ba bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định: Ngày 15/5/2018, Trần Ng B, Trần Văn H, Đặng Thị H đã thực hiện hành vi rút trộm số tiền 19.200.000 đồng từ thẻ ngân hàng của chị Đỗ Thị Ng và anh Trần Văn Th (thẻ do Trần Bảo Ng trộm cắp) nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Ng B, Trần Văn H, Đặng Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là vụ án đồng phạm giản đơn và đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của Trần Ng B ở vai trò thứ nhất, Trần Văn H ở vai trò thứ hai, Đặng Thị H ở vai trò thứ ba là hoàn toàn phù hợp. Trên cơ sở đó xử phạt bị cáo B 01 năm 03 tháng tù, bị cáo H 09 tháng tù, bị cáo Đặng Thị H 06 tháng tù là đúng pháp luật, tuy nhiên buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội là có phần nghiêm khắc vì các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo chỉ phát sinh lòng tham chứ không có những thủ đoạn nguy hiểm nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi bị phát hiện các bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm có tình tiết giảm nhẹ gia đình là người có công với cách mạng, đây là những tình tiết mới cần được xem xét. Do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo chuyển cho bị cáo B, bị cáo H được hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách, cho bị cáo Đặng Thị H

cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Về việc khấu trừ thu nhập: bị cáo Đặng Thị H có công việc, thu nhập ổn định nên cần khấu trừ thu nhập của bị cáo là 300.000đ/tháng

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ng B, Trần Văn H, Đặng Thị H; Sửa bản án sơ thẩm số 72/2018/HSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Ng B, Trần Văn H, Đặng Thị H phạm tội Trộm cắp tài sản

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ng B 01 năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 07/3/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 07/3/2019

Giao bị cáo Trần Ng B, Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B H, huyện TH, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Qu Tr, huyện K X, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Thị H cho UBND xã Qu Tr, huyện K X, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đặng Thị H mỗi tháng 300.000đ trong thời

gian cải tạo không giam giữ.

3. Về án phí: Áp dụng điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Ng B, Trần Văn H, Đặng Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 07/3/2019./

Nơi nhận

-VKSND tỉnh Thái Bình;

-TAND, VKSND, CA, THA h. T H;

-Bị cáo kháng cáo;

-UBND xã B H, T H;

-UBND xã Qu Tr, K X;

-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Hải Yến

